

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC KIẾN LẬP NỀN TƯ PHÁP VIỆT NAM - TỪ *TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP* ĐẾN *HIẾN PHÁP 1946*

ThS. Trần Văn Lực

Trường ĐHSP - Đại học Huế

Cách đây hơn 70 năm, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công, “*Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị*”¹, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, nhưng đó mới chỉ là chính quyền lâm thời, chưa có cơ sở pháp lý. Vì vậy, ngay khi giành được độc lập, Chính phủ lâm thời thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành nhiều văn bản để định hướng và đặt cơ sở pháp lý cho hoạt động tư pháp. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung làm rõ đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với việc kiến lập nền tư pháp cách mạng Việt Nam thông qua những bài nói, bài viết,



sắc lệnh được ban hành kể từ khi *Tuyên ngôn độc lập* ra đời đến khi *Hiến pháp 1946* được Quốc hội thông qua.

Ngày 2-9-1945, tại vườn hoa Ba Đình (Hà Nội), thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* do Người khởi thảo, tuyên bố trước đồng bào cả nước và

nhân dân thế giới việc thủ tiêu chế độ thực dân, phong kiến ở Việt Nam và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. *Tuyên ngôn độc lập* là tác phẩm bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là sự kết tinh truyền thống lịch sử kiên cường, bất khuất của dân tộc ta, là bản anh hùng ca mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc Việt

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.1.

Nam - kỷ nguyên độc lập tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tuyên ngôn tuyên bố về quyền dân tộc của các nước trên thế giới là bất khả xâm phạm: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”². Các nguyên tắc dân tộc, bình đẳng đã và đang được các nước Đồng minh công nhận ở các Hội nghị Têhêran và Cựu Kim Sơn³ không thể không công nhận quyền độc lập của nhân dân Việt Nam. Chính vì lẽ đó, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do và độc lập”⁴.

Quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam được khẳng định trong Tuyên ngôn độc lập là cơ sở pháp lý đầu tiên, quan trọng để củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng các thiết chế nhà nước, hệ thống pháp luật và nền tư pháp cách mạng của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Việt Nam trở thành một nước độc lập, tự do. Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới thành lập do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch là cơ quan điều hành nhà nước cao nhất. Trong bối cảnh chính quyền cách mạng non trẻ phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, cùng một lúc phải chống lại thù trong, giặc ngoài, giặc đói, giặc dốt, vận mệnh Tổ quốc như “ngàn cân treo sợi tóc”, ngày 3-9-1945, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh vấn đề nghị sớm tổ chức Tổng tuyển cử và ban hành Hiến pháp. Người nhấn mạnh: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm, càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.1.

³ *Hội nghị Têhêran*: Hội nghị đại diện của ba nước Liên Xô (cũ), Anh, Mỹ họp từ ngày 28-11 đến ngày 1-12-1943 tại Têhêran (Iran), thông qua kế hoạch tiêu diệt lực lượng vũ trang của phátxít Đức, quyết định mở mặt trận thứ hai ở châu Âu trước ngày 1-5-1944 và thông qua Nghị quyết bảo đảm nền hòa bình lâu dài trên thế giới sau chiến tranh... Nhưng sau đó, các giới cầm quyền Mỹ và Anh đã thi hành không đầy đủ các điều khoản đã được ký kết trong Hội nghị này. *Hội nghị Cựu Kim Sơn*: Hội nghị của 50 nước do Liên Xô (cũ), Mỹ, Anh và Trung Quốc (chính phủ Tưởng Giới Thạch) triệu tập, họp tại Cựu Kim Sơn (Xan Phranxixcô) ở Mỹ từ ngày 25-4 đến 26-6-1945 để thông qua Hiến chương Liên Hợp quốc và thành lập tổ chức Liên Hợp quốc.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.4.

ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống”⁵. Đề nghị này có giá trị lịch sử to lớn, mang tính chất như một *tuyên bố lập hiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Để tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký, ban hành một số sắc lệnh nhằm trấn áp các tổ chức, phần tử chính trị phản động và các hành vi nguy hại đến nền độc lập. Đó là Sắc lệnh số 06-SL ngày 5-9-1945, nghiêm cấm nhân dân Việt Nam đi lính, bán thực phẩm, dẫn đường, liên lạc, hợp tác làm tay sai cho Pháp, ai vi phạm sẽ đưa ra Tòa án quân sự nghiêm trị; Sắc lệnh số 07-SL, ngày 5-9-1945, về tội đầu cơ, tích trữ thóc gạo xét có phương hại đến nền kinh tế sẽ bị nghiêm trị theo quân luật, gia sản sẽ bị tịch thu; Sắc lệnh số 08-SL, ngày 5-9-1945 và Sắc lệnh số 30-SL, ngày 12-9-1945, quyết định giải tán 4 đảng phái phản động tay sai của thực dân Pháp và phát xít Nhật (Đại Việt Quốc gia xã hội đảng, Đại Việt Quốc dân Đảng, Việt Nam hưng quốc thanh niên hội, Việt Nam thanh niên ái quốc).

Ngày 8-9-1945, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 14-SL quy định sẽ mở cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội và Quốc hội có toàn quyền ấn định Hiến pháp cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Để chuẩn bị cho công việc quan trọng này, ngày 20-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 34-SL thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp gồm 7 thành viên (Hồ Chí Minh, Vĩnh Thụy, Đặng Thai Mai, Vũ Trọng Khánh, Lê Văn Hiến, Nguyễn Lương Bằng và Đặng Xuân Khu) do Hồ Chí Minh làm Trưởng ban. Ngày 17-10-1945, Chính phủ ký Sắc lệnh số 51-SL quy định Tổng tuyển cử bằng phổ thông đầu phiếu với những nguyên tắc cơ bản là: *phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín*.

Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên (ngày 6-1-1946) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, diễn ra trong điều kiện rất khó khăn nhưng đã thành công rực rỡ. Hơn 89% cử tri trong cả nước đi bỏ phiếu, bầu ra 333 đại biểu Quốc hội⁶ trong số hàng nghìn ứng cử viên, đại diện cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tại Hà Nội, khu vực có tới 74 ứng cử viên, trong 6 người trúng cử đại biểu Quốc hội, Hồ Chí Minh được nhân dân tín nhiệm bầu với số phiếu rất cao (98,4%). Thắng lợi này, đánh dấu sự ra đời của Quốc hội - cơ quan quyền lực cao nhất của

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.8.

⁶ Tại kỳ họp thứ nhất, ngày 2-3-1946, Quốc hội khóa I thống nhất công nhận thêm 70 đại biểu của Việt Quốc, Việt Cách, nâng tổng số đại biểu lên 403 người.

chính quyền, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân Việt Nam; từ đó, thành lập một Chính phủ thống nhất, một bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân; đồng thời khẳng định thêm niềm tin sâu sắc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước, ý chí và quyết tâm chính trị của nhân dân Việt Nam trước vận mệnh lịch sử - một nấc thang phát triển quan trọng của nước nhà về kiến lập nền pháp luật của Việt Nam.

Từ khi trở thành Chủ tịch nước qua bầu cử Quốc hội, với cương vị của mình, Hồ Chí Minh đã ký, ban hành nhiều sắc lệnh và xúc tiến việc soạn thảo Hiến pháp để hoàn thiện dần hệ thống pháp luật, trong đó có xây dựng nền tư pháp cách mạng non trẻ.

Ngày 25-2-1946, Hồ Chí Minh ký, ban hành Sắc lệnh số 26-SL về truy tố và xét xử tội phá hoại công sản. Sắc lệnh quy định mức án cao nhất là tử hình đối với những người có hành vi phạm tội cố ý phá hoại các công trình quan trọng về an ninh quốc gia. Ngày 28-2-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký, ban hành Sắc lệnh số 27-SL, trừng trị các tội bắt cóc, tống tiền, ám sát với mức phạt từ 2 năm đến 10 năm tù và có thể bị xử tử. Ngày 29-2-1946, Hồ Chí Minh ký, ban hành Sắc lệnh số 40-SL về bảo đảm quyền tự do cá nhân trong tố tụng hình sự. Việc bắt, giam, giữ người đều phải có lệnh của Thẩm phán, trừ trường hợp phạm tội bắt quả tang; quy định thời hạn gia hạn tạm giam; chế độ giam giữ; mức hình phạt; trách nhiệm của các cơ quan địa phương... Ngày 27-11-1946, Hồ Chí Minh, ban hành Sắc lệnh số 223-SL trừng trị các tội hối lộ, biển thủ công quỹ...

Ngày 9-11-1946, Quốc hội biểu quyết thông qua Hiến pháp Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với 240 phiếu tán thành (trên tổng số 242 phiếu). Bản Hiến pháp đầu tiên gồm: Lời nói đầu, 7 chương và 70 điều. Trước hết và trên hết, Hiến pháp xác nhận quyền làm chủ của nhân dân Việt Nam: “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, trai gái, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo” (Điều 1). Hiến pháp khẳng định: “Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất” (Điều 2); quy định về chính thể dân chủ rộng rãi; quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân; quy định về hệ thống chính quyền từ Trung ương đến cơ sở. Cơ quan tư pháp gồm: Tòa án tối cao, các tòa án phúc thẩm, các tòa đệ nhị cấp và sơ cấp (Điều 63); Các viên thẩm phán đều do Chính phủ bổ nhiệm (Điều 64); Trong khi xử việc hình thì phải có phụ thẩm nhân dân tham gia (Điều 65); Quốc dân thiểu số có quyền dùng tiếng nói của mình

trước Tòa án (Điều 66); Các phiên tòa án đều phải công khai, trừ những trường hợp đặc biệt. Bị cáo được quyền tự bào chữa hoặc mượn luật sư (Điều 67); Cấm tra tấn, đánh đập, ngược đãi những bị cáo và tội nhân (Điều 68); Trong khi xét xử, các viên thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật, các cơ quan khác không được can thiệp (Điều 69).

Do điều kiện, hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, Hiến pháp 1946 chưa được công bố trước Quốc dân và chưa được đưa ra toàn dân phúc quyết nhưng tinh thần dân chủ và tiến bộ của Hiến pháp đã được vận dụng và thi hành trên thực tế. Hiến pháp là cơ sở pháp lý cho chính quyền cách mạng, là nền tảng cho việc xây dựng luật lệ mới và cơ quan tư pháp của nhà nước ta. Hồ Chí Minh nêu rõ đây là “bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà... còn là một vết tích lịch sử Hiến pháp đầu tiên trong cõi Á Đông”⁷.

Như vậy, từ ngày 2-9-1945 đến ngày 9-11-1946, trong hoàn cảnh “ngàn cân treo sợi tóc”, thù trong giặc ngoài chống phá, tình hình kinh tế, tài chính, xã hội đều khó khăn chông chát, Đảng, Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn quan tâm xây dựng và phát huy vai trò của nền tư pháp cách mạng Việt Nam. Chính phủ đã khẩn trương soạn thảo Hiến pháp, xúc tiến bầu cử. Hiến pháp và các sắc lệnh của Chủ tịch nước ban hành trong thời gian này có nhiều điều, khoản quy định quyền tự do dân chủ của nhân dân, không phân biệt giới tính, lứa tuổi, giai cấp, tôn giáo, đảng phái; việc bắt người, xét xử phải theo pháp luật... Từ *Tuyên ngôn độc lập* đến ra đời *Hiến pháp 1946*, nền tư pháp cách mạng Việt Nam dần dần được kiến tạo, mang đậm tính nhân văn Hồ Chí Minh. Nền tư pháp cách mạng non trẻ này đã góp phần xây dựng, bảo vệ chế độ mới và đặt cơ sở cho sự phát triển của nền tư pháp xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam./.

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.440.